

Trà Vinh, ngày 29 tháng 8 năm 2024

BIÊN BẢN

Hội thảo lấy ý kiến đóng góp kết quả Dự án khảo sát, đánh giá tài nguyên khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường (cát lòng sông) trên địa bàn tỉnh Trà Vinh

Vào lúc 13 giờ 30 phút, ngày 29/8/2024, tại Hội trường Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Trà Vinh tổ chức Hội thảo đánh giá kết quả Dự án khảo sát, đánh giá tài nguyên khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường (cát lòng sông) trên địa bàn tỉnh Trà Vinh, cụ thể như sau:

A. THÀNH PHẦN THAM DỰ

- **Chủ trì Hội thảo:** Ông Trần Văn Hùng - Giám đốc Sở.
- **Thư ký Hội thảo:** Bà Nguyễn Thị Mỹ Lộc - Chuyên viên Phòng Quản lý Tài nguyên và Biển, Sở Tài nguyên và Môi trường.
- **Chuyên gia và đại biểu tham dự hội thảo**
 1. Tiến sĩ Nguyễn Kim Hoàng - Chủ tịch Hội Địa chất - Thành phố Hồ Chí Minh;
 2. Tiến sĩ Ngô Minh Thiện - Giảng viên khoa Địa chất - Trường Đại học Khoa học Tự nhiên Thành phố Hồ Chí Minh;
 3. TS.GVC. Thiềm Quốc Tuấn - Phó Trưởng Khoa Địa chất và Khoáng sản;
 4. Thạc sĩ Nguyễn Văn Mai - Nguyên Phó đoàn trưởng Đoàn 601 - Liên đoàn BĐDC miền Nam.
 5. Sở Tài nguyên và Môi trường:
 - Ông Lê Đình Trung, Phó Giám đốc Sở.
 - Ông Nguyễn Thanh Nghiệm, Trưởng Phòng Quản lý Tài nguyên và Biển.
 - Ông Dương Văn Hiệp, Trưởng phòng Quản lý môi trường.
 - Ông Nguyễn Quốc Tuấn, Trưởng phòng Quản lý đất đai.
 6. Ông Nguyễn Minh Thụ, Trưởng phòng An ninh kinh tế - Công an tỉnh Trà Vinh.
 7. Ông Nguyễn Hồng Lượng, Phó chỉ trưởng - Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh Trà Vinh.
 8. Bà Dương Thị Kim Xuyên, Chuyên viên Phòng QLCN - Sở Công thương.
 9. Ông Phương Quang, Trưởng phòng Quản lý xây dựng - Sở Xây dựng.

10. Ông Phạm Văn Tiếp, Phó Giám đốc đoạn Quản lý giao thông đường thủy bộ - Sở Giao thông Vận tải Trà Vinh.

11. Ông Nguyễn Trường Chinh, Phó Chi cục trưởng Chi cục thủy lợi - Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Trà Vinh.

12. Ông Phạm Văn Thái, Chuyên viên Phòng Đầu tư Xây dựng – Sở Kế hoạch và Đầu tư.

3. Ông Lưu Văn Nhạnh, Phó Trưởng Ban Quản lý khu kinh tế Trà Vinh.

14. Bà Lê Tuyết Hồng, Phó Chủ tịch Liên Hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật tỉnh Trà Vinh.

15. Ông Dương Bảo Việt, Phó Trưởng phòng Quản lý khoa học – Sở Khoa học Công nghệ.

16. Ông Huỳnh Văn Nghị, Phó Chủ tịch UBND huyện Trà Cú, tỉnh Trà Vinh.

17. Ông Nguyễn Tấn Lợi, Chuyên viên phòng TNMT huyện Duyên Hải.

18. Ông Huỳnh Tấn Thuận, Phó Trưởng phòng TNMT huyện Cầu Ngang.

19. Ông Nguyễn Minh Nhiễm, Trưởng phòng TNMT huyện Tiểu Cần.

20. Ông Nguyễn Hữu Kiên, Trưởng phòng TNMT huyện Càng Long.

21. Ông Lê Văn Tú, Phó Trưởng phòng TNMT huyện Cầu Kè.

22. Ông Phạm Thành Trung, chuyên viên Phòng TNMT Thành phố Trà Vinh.

23. Ông Trương Văn Chí Nguyên, Phó Chủ tịch UBND xã An Phú Tân huyện Cầu Kè.

24. Ông Nguyễn Thanh Kha, Phó Chủ tịch UBND xã Vinh Kim huyện Cầu Ngang.

25. Ông Lê Quang Thạnh, Chủ tịch UBND xã Đức Mỹ, huyện Càng Long.

26. Ông Lê Văn Ngon, Phó Chủ tịch UBND xã Đại Phước, huyện Càng Long.

27. Ông Huỳnh Văn Thảo, Phó Chủ tịch UBND xã Định An, huyện Trà Cú.

28. Ông Nguyễn Thanh Thương, Quyền Chủ tịch UBND xã Hoà Minh, huyện Châu Thành.

29. Ông Nguyễn Minh Trí, Chủ tịch UBND xã Tân Hoà, huyện Tiểu Cần.

- **Liên đoàn Bản đồ địa chất miền Nam (Đơn vị tư vấn thi công)**

+ Ông Đỗ Văn lĩnh, Liên Đoàn trưởng.

+ Ông Lưu Thế Long, Trưởng phòng kỹ thuật - Chủ nhiệm dự án.

+ Bà Hoàng Yến, Nhân viên kỹ thuật.

+ Bà Huỳnh Thị Thanh Huy, Nhân viên kỹ thuật.

- **Liên hiệp Khoa học sản xuất địa chất Nam Bộ (Đơn vị tư vấn giám sát).**

+ Ông Nguyễn Trọng Khiêm, Giám đốc

+ Ông Hạp Tiến Hoàng, Nhân viên.

II. NỘI DUNG

1. Ông Nguyễn Thanh Nghiệm - Trưởng phòng Quản lý Tài nguyên và Biển giới thiệu thành phần đại biểu tham dự và thông qua chương trình Hội thảo.

2. Ông Trần Văn Hùng, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường phát biểu khai mạc Hội thảo.

3. Ông Lưu Thế Long báo cáo kết quả thực hiện Gói thầu số 04: Tổ chức thực hiện Dự án khảo sát, đánh giá tài nguyên khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường (cát lòng sông) trên địa bàn tỉnh Trà Vinh.

4. Ông Nguyễn Trọng Khiêm báo cáo kết quả kiểm tra dự án khảo sát, đánh giá tài nguyên khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường (cát lòng sông) trên địa bàn tỉnh Trà Vinh.

5. Ông Nguyễn Thanh Nghiệm - Trưởng phòng Quản lý Tài nguyên và Biển thông qua báo cáo đánh giá, nhận xét về kết quả thực hiện Gói thầu số 04: Tổ chức thực hiện Dự án khảo sát, đánh giá tài nguyên khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường (cát lòng sông) trên địa bàn tỉnh Trà Vinh.

6. Ý kiến đóng góp của các đại biểu tham dự:

6.1. Những nội dung đạt yêu cầu:

- *Về nhân sự:* Đơn vị thi công đã bố trí đầy đủ 23 nhân sự thực hiện dự án theo hợp đồng và tăng cường thêm 19 nhân sự có trình độ chuyên môn phù hợp với từng công việc theo yêu cầu của dự án và đã được Sở Tài nguyên và Môi trường chấp thuận Kế hoạch thực hiện tại Công văn số 3947/STNMT-QLTNB ngày 05/12/2023.

- *Về chất lượng:* Công tác thu thập thông tin, dữ liệu thực hiện đúng theo yêu cầu về số lượng và nội dung của đề cương dự án, nguồn tài liệu thu thập được đảm bảo yêu cầu thực hiện Dự án khảo sát, đánh giá tài nguyên khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường (cát lòng sông) trên địa bàn tỉnh Trà Vinh; Các hạng mục công việc thực hiện đúng theo đề cương được phê duyệt, Hợp đồng dịch vụ tư vấn số 155/HĐ-STNMT ngày 27/11/2023; Luật Khoáng sản số 60/2010/QH12 ngày 17/11/2010; Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Khoáng sản; Nghị định số 45/2016/NĐ-CP ngày 26/12/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.

- *Về tiến độ:* Đảm bảo tiến độ theo Hợp đồng 155/HĐ-STNMT ngày 27/11/2023, Đề cương được phê duyệt và Kế hoạch thi công.

- *Về mục tiêu của dự án:* Dự án gồm có 5 mục tiêu cụ thể với đối tượng khảo sát là cát lòng sông Hậu và sông Cổ Chiên thuộc địa bàn tỉnh Trà Vinh, trong đó: Mục tiêu chính và quan trọng nhất là đánh giá lại khoáng sản trên tuyến sông Hậu và sông Cổ Chiên thuộc địa bàn tỉnh Trà Vinh, xác định tài nguyên dự tính và tài nguyên dự báo của cát san lấp trong khu vực; 04 mục tiêu còn lại phục vụ công tác rà soát quy hoạch và quản lý nhà nước về bảo vệ tài nguyên.

- *Về báo cáo tổng kết dự án:* Báo cáo gồm 7 chương 121 trang, 6 bản vẽ, 7 phụ lục kèm theo; chủ đầu tư là Sở Tài nguyên và Môi trường; Đơn vị tư vấn: Liên đoàn Bản đồ địa chất miền Nam. Chủ nhiệm dự án: Thạc sĩ địa chất Ông Lưu Thế Long.

+ Báo cáo có cấu trúc chương mục theo quy định của Bộ Tài nguyên và Môi trường, nội dung thành lập lập trên cơ sở kết quả của công việc khảo sát, đánh giá tài nguyên được tiến hành, các tài liệu tìm kiếm thăm dò, quy hoạch đã có từ trước. Các chuyên đề địa chất, địa mao, địa vật lý địa chất nông, khoan và kết quả phân tích mẫu...

+ Nội dung đặc điểm địa mao; đặc điểm địa chất công trình; đặc điểm khoáng sản của vùng dự án tại chương 2 được trình bày rõ ràng.

+ Chương 3: Trên cơ sở dữ liệu, nguồn gốc và điều kiện tạo thành cát xây dựng đã xác định mạng lưới khu vực khảo sát đánh giá với việc đánh giá tài nguyên cấp 333 là tuyến cách tuyến tối đa là 800m; công trình trên tuyến cách nhau tối đa là 400m phù hợp, các phương pháp khảo sát, đánh giá được trình bày tại chương 3 là phù hợp đảm bảo giải quyết được mục tiêu của dự án.

+ Chương 4: Kết quả phân tích mẫu độ hạt cát, hoá, khoáng vật...cho thấy cát trên sông Hậu và sông Cổ Chiên trên địa bàn tỉnh Trà Vinh có độ hạt cát mịn, độ hạt; độ lớn 0,6 đến 1,2 chỉ đạt chỉ tiêu cát san lấp.

6.2. Những nội dung đề nghị chỉnh sửa, bổ sung:

1. Về cơ sở pháp lý:

- Bổ sung Thông tư số 42/2016/TT-BTNMT ngày 26/12/2016 quy định kỹ thuật về đánh giá tiềm năng khoáng sản rắn phần đất liền trong điều tra cơ bản địa chất về khoáng sản.

- Rà soát, lược bỏ các văn bản pháp lý không cần thiết, những văn bản hết hiệu lực đồng thời bổ sung cập nhật các văn bản trung ương mới ban hành.

- Bổ sung đầy đủ các văn bản pháp lý và đóng thành tập báo cáo (Chủ trương thực hiện dự án; các quyết định phê duyệt: dự toán, kế hoạch lựa chọn nhà thầu, hội đồng nghiệm thu; BB hợp hội đồng nghiệm thu; phiếu ý kiến góp ý của các chuyên gia phản biện).

- Bổ sung Quyết định số 1142/QĐ-TTg ngày 02 tháng 10 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Quy hoạch tỉnh Trà Vinh thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050;

- Cập nhật Quyết định số 758/QĐ-UBND ngày 08/5/2024 của UBND tỉnh Trà Vinh ban hành quy định phối hợp thanh tra, kiểm tra hoạt động khai thác, vận

chuyển, kinh doanh khoáng sản trên địa bàn tỉnh Trà Vinh (thay thế Quyết định số 1435/QĐ-UBND ngày 27/7/2021).

2. Về bố cục báo cáo tổng kết

- Bố cục báo cáo tổng kết: Thống nhất bố cục báo cáo (gồm mở đầu, 06 chương); Thống nhất tên gọi chương 1 đến chương 4; xem lại tên của chương 5; điều chỉnh tên Chương 6 (Dự toán kinh phí) thành Chương 6 (Giám sát, kiểm tra thực hiện dự án và sản phẩm giao nộp của dự án); bổ sung thêm Chương 7: Kết luận và kiến nghị.

- Về cách trình bày báo cáo (trang bìa lót, giới thiệu, mở đầu): Trình bày lại trang bìa có đủ thông tin của chủ đầu tư, đơn vị thi công, đơn vị giám sát, tên tác giả, ngày tháng báo cáo.

3. Về mục tiêu của dự án:

Dự án thực hiện nhằm đánh giá lại khoáng sản trên tuyến sông Hậu và sông Cổ Chiên thuộc địa bàn tỉnh Trà Vinh, việc xác định trữ lượng tài nguyên cát xây dựng và cát san lấp trong khu vực là vô cùng quan trọng nhằm bảo vệ, khai thác, sử dụng tài nguyên khoáng sản hợp lý, tiết kiệm, hiệu quả và bền vững và có 5 mục tiêu cụ thể, trong đó: Mục tiêu chính và quan trọng nhất là đánh giá lại khoáng sản trên tuyến sông Hậu và sông Cổ Chiên thuộc địa bàn tỉnh Trà Vinh, xác định tài nguyên dự tính và tài nguyên dự báo của cát xây dựng và cát san lấp trong khu vực; 04 mục tiêu còn lại phục vụ công tác rà soát quy hoạch và quản lý nhà nước bảo vệ tài nguyên. Đề nghị bổ sung, làm rõ hơn nội dung các mục tiêu như:

- Mục tiêu dự án có xác định tài nguyên dự tính và tài nguyên dự báo của cát xây dựng và cát san lấp trong khu vực dự án, đề nghị giải thích rõ khái niệm 02 tài nguyên này; báo cáo kết quả tính trữ lượng tài nguyên là dự tính hay dự báo.

- Nội dung trình bày các mục tiêu số 3, 4, 5 còn khá sơ lược, đề nghị bổ sung nội dung cụ thể hơn cho phù hợp với tính chất của mục tiêu.

4. Về nội dung báo cáo tổng kết dự án:

4.1. Về nội dung tại Chương 1

+ Mục 1.1.1 (Vị trí địa lý, trang 10): Trình bày khu vực khảo sát đánh giá dự án có diện tích 72,4 Km² tại 02 khu vực sông Hậu và Sông Cổ Chiên; ghi nhận hiện trạng hoạt động thăm dò, khai thác khoáng sản cát sông đến năm 2023 là 34 mỏ trên diện tích mặt sông là 15,43 Km²; Sông Hậu 11 mỏ, sông Cổ Chiên 23 mỏ với trữ lượng được phê duyệt cấp 122 là 64.699.716 m³. Tại mục b (trang 11, 12) cần nêu rõ số liệu thủy văn tại 02 sông Cổ Chiên và Sông Hậu được thu thập năm nào và nguồn cung cấp số liệu; làm rõ trong 72,4 km² thì sông Hậu, sông Cổ Chiên là bao nhiêu.

+ Bổ sung chi tiết phạm vi, giới hạn đối tượng điều tra nghiên cứu.

+ Bổ sung nguồn gốc và thông tin của các số liệu trong báo cáo; cập nhật thông tin trong báo cáo quy hoạch tỉnh Trà Vinh theo Quyết định số 1142/QĐ-TTg vào mục 1.1 (Chương 1) Đặc điểm địa lý tự nhiên và kinh tế nhân văn.

+ Mục 1.3 (trang 17) Bổ sung đầy đủ thông tin 34 mỏ như trình bày thông tin các giấy phép tại trang 19.

4.2. Về nội dung tại Chương 3

- Tại mục e (trang 42): Bổ sung chiều sâu giới hạn khai thác trên sông Hậu và sông Cổ Chiên; bổ sung một số mặt cắt điển hình để tính toán góc nghỉ của cát theo độ sâu từ đó đưa ra độ sâu khai thác đảm bảo đến cote bao nhiêu.

+ Tại mục 3.2.3, công tác trắc địa (trang 47, 48) do địa hình đồng bằng nên bản đồ địa hình nên thành lập có khoảng cao đều bình độ là 1m thay vì 2m.

+ Rà soát cập nhật lại số liệu chiều dày các lỗ khoan tại bảng 3.2 (trang 55,56) và bảng 5.5 (trang 91,92,93) không trùng nhau; cập nhật lại nội dung trên Sông Hậu có 5 khối tài nguyên cấp 333 và 01 khối trữ lượng cấp 122; sông Cổ Chiên có 8 khối tài nguyên cấp 333 và 01 khối trữ lượng cấp 122.

+ Khối tài nguyên cấp 333 cần thêm hệ số tin cậy là 0,7; tài nguyên cấp 334a thêm hệ số tin cậy là 0,5.

+ Số liệu chiều sâu khoan tại bảng 3.2 (trang 54) chưa đúng với khối lượng đã được Sở Tài nguyên và Môi trường nghiệm thu đợt 2.

+ Biên mục lại nội dung công tác trắc địa (tại mục 3.2.3, trang 46), cụ thể: Bổ sung cụ thể thông tin theo thiết kế, theo thực tế thi công, nội dung thay đổi (nếu có); Lấy thông tin từ các báo cáo chuyên đề để đưa vào nội dung cho đầy đủ (số hiệu điểm tọa độ, độ cao thực hiện); sơ đồ đo nối, kỹ thuật thực hiện...

+ Chính nội dung trang 49: Khối lượng công việc dự kiến thành khối lượng công việc đã thực hiện đo đây là báo cáo kết quả sản phẩm thực hiện hoàn thành của dự án.

Kết cấu, bố cục của Chương viết lại theo trình tự nội dung tại trang 8 đề cương dự án.

4.3. Về nội dung tại Chương 4

- Bổ sung đánh giá, so sánh kết quả tính tài nguyên của dự án với Quyết định số 1142/QĐ-TTg ngày 02/10/2023 của Thủ tướng Chính phủ.

- Kết quả chương 4 phải trả lời được mục số 1 và 2 của mục tiêu dự án.

- Về cơ sở và kết quả tính tài nguyên tại chương 4

+ Về tính khoảng cách đến bờ và độ sâu an toàn trong khai thác cát sông (Mục 4.2.2, trang 68): Hiện nay chưa có văn bản quy định chung về khoảng cách và độ sâu an toàn trong khai thác cát sông, theo báo cáo tổng kết đang tính toán theo thông số về tính chất cơ lý của cấu trúc địa chất đường bờ và độ sâu khai thác thông qua bề dày các lớp các xác định trong công tác khoan là phù hợp, độ sâu khai thác càng lớn thì khoảng cách xa bờ càng lớn và góc dốc an toàn khai thác càng giảm; kết quả tính chọn độ sâu khai thác sông Hậu $H \leq 17m$, tương ứng khoảng cách xa bờ và góc dốc đường bờ $L \leq 160m$ và độ sâu khai thác sông Cổ Chiên $H \leq 24m$, tương ứng khoảng cách xa bờ và góc dốc đường bờ $L \leq 160m$ là hợp lý nhưng chưa tính đến yếu tố động, với môi trường sông rộng, nhiều tàu lớn di chuyển với tốc độ lớn tức là trạng thái động, còn tính toán của đề án là trạng

thái tĩnh; hiện nay tỉnh An Giang và Đồng Tháp khoảng cách an toàn là 200m, tham khảo lại quy hoạch của tỉnh.

+ Về cơ sở tính tài nguyên: Bảng 3.2 và Bảng 5.5 có bề dày lớp cát, cũng như lớp khác nhau của cùng lỗ khoan; đặc biệt là Bảng 3.2 bề dày lớp cát đều bằng 2,0m và không thống nhất với thiết đồ lỗ khoan.

+ Khoanh nổi thân khoáng, phân phối và xếp cấp tài nguyên (trang 66): Trong mỗi thân khoáng cấp 333 nên bổ sung cụ thể tên các lỗ khoan đạt yêu cầu làm cát san lấp; Tài liệu địa vật lý địa chấn chưa được nêu rõ để khoanh định ranh giới thân khoáng cũng như bề dày lớp cát cho từng thân khoáng cấp 333 cũng như thân khoáng cấp 334a do vậy việc xác định các thân khoáng chưa thuyết phục.

+ Về phương pháp tính tài nguyên (trang 70): Với đặc điểm thân khoáng cát có thể nằm ngang thoải và vát nhọn về phía bờ sử dụng phương pháp khối địa chất để tính tài nguyên là phù hợp, tuy nhiên công thức tính tài nguyên còn thiếu thông số quan trọng là độ tin cậy. Cụ thể:

++Thăm dò tính trữ lượng theo mạng lưới quy định có hệ số tin cậy là 1 nên không cần liệt kê; đối với điều tra, khảo sát tính tài nguyên phải sử dụng hệ số tin cậy (theo lý thuyết từ 0,1 đến 0,9).

++Mức độ tin cậy phụ thuộc vào: Địa hình đáy sông (có sự thay đổi), mức độ điều tra địa chất (các công trình khoan còn thừa), cấu trúc địa chất (có lớp sét xen kẹp hay không); mẫu phân tích (còn ít theo công trình)...

Do đó hệ số tin cậy cấp tài nguyên 333 có thể là 0,7 và cấp tài nguyên 334a có thể là 0,5 (chỉ có tài liệu địa vật lý, không có công trình khoan).

+ Về kết quả tính tài nguyên: Trên cơ sở các thông số tính tài nguyên gồm diện tích (khoanh định bằng mapinfo, khoanh nổi giữa các công trình khoan và nội ngoại suy giữa các công trình khoan, bề dày trung bình thân cát (theo công trình khoan và kết quả mẫu, tài liệu địa vật lý), hệ số vát nhọn, độ thu hồi cỡ hạt >0,1mm được tính toán có cơ sở và phù hợp (chưa tính hệ số tin cậy), số tài nguyên được tính tin cậy; cần lưu ý:

++Bảng 5.5 cột 6 có nội dung “chiều dài lớp cát (m) đến cote -24,0m” là chưa đúng dễ bị hiểu nhầm là tính đến cote -14m cho cả 02 khu vực, vì đối với khu vực sông Hậu tối đa -24m nhưng khu vực sông Cổ Chiên tối đa -17m do đó chỉ cần chiều dày lớp cát (m) cũng có ý là đến hết thân cát.

Bề dày khối tài nguyên cấp 334a (thân khoáng cát II) cần được thuyết minh cụ thể hơn: sử dụng LK4, LK5 và LK6 có tính tương đồng (ngoại suy) trên thân khoáng cát I (trên các tuyến T4, T5, T6) và các tài liệu địa vật lý để so sánh.

- Với số tài nguyên được tính rất lớn, có tính chiến lược cho quy hoạch, thăm dò, khai thác và sử dụng của tỉnh cần chú trọng cấp cho các công trình trọng điểm của quốc gia trong khu vực và để tăng khả năng độ tin cậy của số lượng tài liệu nguyên cát, có thể sử dụng phần mềm surfer để kiểm tra.

- Bổ sung đầy đủ các số hiệu tên bảng trong báo cáo tổng kết.

4.3. Về nội dung tại Chương 5

- Nghiên cứu tích hợp đề xuất, giải pháp của mục tiêu số 5 của dự án (*Đề xuất giải pháp nhằm định hướng việc bảo vệ, khai thác, sử dụng tài nguyên khoáng sản hợp lý, tiết kiệm, hiệu quả và bền vững*) vào báo cáo tổng kết; thông tin cảnh báo về khoảng cách an toàn, cote khai thác, các điểm sạt lở.

- Trình bày lại mục tiêu dự án (Mục 5.1.1; trang 76) đảm bảo thống nhất, đúng với mục tiêu dự án theo chủ trương được phê duyệt.

4.4. Về nội dung tại Chương 6

- Chính sửa tên chương 6 thành: Giám sát, kiểm tra thực hiện dự án và sản phẩm giao nộp của dự án.

- Biên tập các nội dung giám sát, kiểm tra nghiệm thu các giai đoạn.

- Liệt kê danh mục sản phẩm giao nộp; đánh giá chất lượng sản phẩm giao nộp.

4.4. Về nội dung tại Chương 7 (Kết luận)

- Tại mục 6.3 (trang 110): Rà soát, chỉnh sửa số liệu cấp 333 và 334a.

- Bổ sung 01 bảng chung đánh giá mức độ hoàn thành các công tác, khối lượng theo đề cương đã được duyệt, các điều chỉnh so với đề cương.

- Đề nghị giải trình cơ sở nào chọn cote độ sâu khai thác ở 02 sông là -17m và -24m để tính mà không phải là cote khác. Việc đánh giá sạt lở có xem xét đến yếu tố lưu tốc dòng chảy không, số liệu đo dòng chảy và quan trắc diễn biến bờ không thấy đề cập đến trong báo cáo.

- Bố cục chương đề nghị phải có các nội dung như: Đánh giá kết quả thực hiện các mục tiêu của dự án; Đánh giá hiệu quả của dự án; kết luận và kiến nghị.

- Chọn lọc đưa vào báo cáo tổng kết một số hình ảnh màu, thông tin từ 03 báo cáo chuyên đề.

5. Về các bản vẽ (06 bản vẽ):

- Các Bản vẽ được thành lập theo quy phạm kèm theo báo cáo, tuy nhiên cần chỉnh sửa lại các phần chú giải chưa đầy đủ các yếu tố trên bản đồ.

- Sơ đồ đo địa chấn nông phân giải cao (Bản vẽ số 11, số 12) khoanh vẽ các thân cát theo tài liệu địa chấn nông cần bám sát các đường đẳng độ sâu của địa hình đáy sông; các chỉ dẫn tại bản vẽ 11, 12 chưa đầy đủ, cần bổ sung thêm thông tin.

- Bản đồ địa chất tỷ lệ 1:50.000: Đề nghị các mặt cắt địa chất cần thành lập với tỷ lệ ngang 1:10.000; tỷ lệ đứng 1:50.000 hoặc 1:400 cho gần địa hình thực tế, dễ theo dõi; Các bản vẽ thiếu chỉ dẫn các lỗ khoan trên bản đồ.

+ Bổ sung 01 bảng chung đánh giá mức độ hoàn thành các công tác, khối lượng theo đề cương đã được duyệt, các điều chỉnh so với đề cương.

+ Đề nghị giải trình cơ sở nào chọn cote độ sâu khai thác ở 02 sông là -17m và -24m để tính mà không phải là cote khác. Việc đánh giá sạt lở có xem xét đến yếu tố lưu tốc dòng chảy không, số liệu đo dòng chảy và quan trắc diễn biến bờ không thấy đề cập đến trong báo cáo.

+ Bản đồ địa chất: Bổ sung đầy đủ các tuyến công trình và lỗ khoan.

C.N
3
UYÊN
À
ƯỜNG
A VU

- Các loại bản đồ tỷ lệ 1/25.000 (04 loại bản đồ); bản đồ phân vùng triển vọng khoáng sản tỷ lệ 1/50.000: Đề nghị có báo cáo phương pháp và trình tự các bước thành lập từng loại bản đồ cụ thể, không nêu chung chung và lưu ý:

+ Trên bản đồ không có bờ sông Hậu giáp với tỉnh Sóc Trăng và bờ sông Cổ Chiên giáp với tỉnh Bến Tre.

+ Đối với đường bờ sông Trà Vinh cập nhật thêm đường bờ ranh giới hành chính và ghi tên đầy đủ cấp xã, ấp.

+ Bổ sung đầy đủ thông tin tên tác giả, người thực hiện, thời gian và phương pháp thực hiện.

+ Phần ký sản phẩm bản đồ phải thể hiện đủ 03 thành phần: Chủ đầu tư, đơn vị giám sát, đơn vị thi công thực hiện và ngày tháng năm.

6. Đối với 03 báo cáo chuyên đề:

- Bổ sung nội dung chính của 03 báo cáo chuyên đề vào báo cáo tổng kết; làm rõ và nổi bật các kết quả chính của báo cáo chuyên đề; lưu ý việc lược bỏ và tổng hợp nội dung các báo cáo chuyên đề vào báo cáo tổng kết phải hợp lý (kể cả hình ảnh minh họa để đưa vào báo cáo).

- Báo cáo chuyên đề 1 (Công tác đo vẽ lập bản đồ địa chất): Bổ sung nội dung hoạt động đo vẽ, lập bản đồ địa chất và hình ảnh minh họa vào báo cáo chuyên đề và báo cáo tổng kết.

- Báo cáo chuyên đề 3 (Báo cáo công tác đo địa nông phân giải cao): Bổ sung số thứ tự các trang trong báo cáo; và nội dung kết dụng cần nêu khối lượng công việc đã thực hiện hoàn thành cụ thể hơn, thống kê ghi rõ giá trị (tăng/ giảm), cụ thể:

+ Tuyến Sông Hậu:

++ Khối lượng công tác đo địa chấn: thiết kế 38 tuyến đo với chiều dài tuyến đo 55.540m), thực tế thi công 57.960m, tăng 2.420m.

++ 5 tuyến đo giảm kích thước chiều dài đo >30% (T₃₀, T₃₁, T₃₂, T₃₃); 8 tuyến đo tăng kích thước chiều dài đo >30% (T₀₂, T₃₆, T₃₉, T₂₁, T₂₂, T₂₃, T₂₅, T₂₉); bổ sung nguyên nhân tăng giảm và việc thay đổi này có ảnh hưởng đến kết quả tính toán hay không.

+ Tuyến Cổ Chiên:

++ Khối lượng công tác đo địa chấn: thiết kế 44 tuyến đo với chiều dài tuyến đo 59.550m), thực tế thi công 59.980m, tăng 430m.

++ 02 tuyến đo giảm kích thước chiều dài đo >20% (T_{56.2}, T₅₉); 01 tuyến đo tăng kích thước chiều dài đo >20% (T_{43-A}); bổ sung nguyên nhân tăng giảm và việc thay đổi này có ảnh hưởng đến kết quả tính toán hay không.

+ Tích hợp nội dung tại báo cáo chuyên đề 3 đưa vào Báo cáo tổng kết đầy đủ thông tin và có chọn lọc.

+ Phần kết luận (trang thứ tự 19): Nội dung Sông Hậu có 5 thân cát (từ I-V) yêu cầu mô tả chi tiết ranh giới khép góc tọa độ, diện tích thân cát, trữ lượng khoáng sản cấp 333, 334a, 122 và 5 khối tài nguyên và nội dung Sông Cổ Chiên có 4 thân cát (từ I-IV) yêu cầu mô tả chi tiết ranh giới khép góc tọa độ, diện tích thân cát, trữ lượng khoáng sản cấp 333, 334a, 122 và 8 khối tài nguyên

7. Các nội dung khác:

- Bổ sung thông tin huyện Duyên Hải tỉnh Trà Vinh thuộc thân cát nào và thông tin GP khai thác khoáng sản tại huyện Duyên Hải.

- Về đề xuất giải pháp khắc phục tại trang 60 báo cáo tổng kết đề nghị trình bày cụ thể hơn.

- Xem lại nội dung đánh giá giấy phép khai thác còn hiệu lực tại trang 40 của Báo cáo tổng kết (Giấy phép số 42/GP-UBND ngày 30/9/2020 đã hết hạn ngày 30/3/2023).

- rà soát cập nhật lại khu vực khoanh định vùng cấm tạm cấm hoạt động khai thác khoáng sản tại trang 43 của báo cáo tổng kết, cụ thể: Khu vực cấm số 3: khu vực dự kiến xây dựng Cầu Cỏ Chiên là không phù hợp

- Tại trang 33,34,35,36,37 báo cáo tổng kết: Rà soát lại cách đánh giá ranh giới các thân cát (cụ thể thân cát nào được phân định bởi đường ranh giới sông giữa hai tỉnh Sóc Trăng và Trà Vinh) và cập nhật đồng bộ số lượng thân cát tại trang 30 Báo cáo tóm tắt.

- Về các báo cáo chuyên đề: Về hình thức cả 03 chuyên đề có sự trình bày và định dạng khác nhau, Chuyên đề 1 (Báo cáo đo vẽ và lập bản đồ địa chất) chỉ trình bày các thành tạo địa chất thiếu nội dung Mở đầu (tính cần thiết, mục tiêu-nhiệm vụ, phương pháp, khối lượng và kết luận).

- Đề nghị bổ sung kết quả phân tích độ hạt vào Phụ lục số 03: Thiết đồ lỗ khoan .

- Về bố cục báo cáo tổng kết dự án: Rà soát và tham khảo Thông tư số 42/2016/TT-BTNMT ngày 26/12/2016 quy định kỹ thuật về đánh giá tiềm năng khoáng sản rắn phần đất liền trong điều tra cơ bản địa chất và khoáng sản (báo cáo tổng kết gồm: Mở đầu, 8 chương, kết luận, tài liệu tham khảo và các phụ lục đính kèm).

- Rà soát lược bỏ cụm từ dự kiến trong toàn bộ báo cáo tổng kết dự án và các báo cáo chuyên đề.

- Đối với sản phẩm giao nộp gói thi công

+ Tài liệu nguyên thủy phải nêu cụ thể, không chung chung và phải lập danh mục tài liệu ghi rõ từng loại, số lượng (dạng giấy và dạng số: file, thông tin dữ liệu...) vào báo cáo và biên bản bàn giao như đề cương được duyệt).

+ Đóng thành tập các Phiếu kết quả phân tích mẫu;

+ Các loại báo cáo, các bản đồ và các loại tài liệu khác theo đề cương (nhật ký, sổ đo, thiết đồ lỗ khoan, số mẫu, phiếu kết quả...).

- **Hồ sơ giám sát, kiểm tra nghiệm thu của dự án**

+ Báo cáo giám sát (giai đoạn 1): Từ ngày 06/12/2023-22/12/2023.

+ Báo cáo giám sát (giai đoạn 2): Từ ngày 22/12/2023-15/3/2024.

+ Báo cáo giám sát (giai đoạn 3): Từ ngày 15/3/2024-20/8/2024.

+ Báo cáo giám sát (nghiệm thu hoàn thành dự án).

HÓA
TÀI
MÔI
TRƯỜNG

- Tại trang 14 Báo cáo tổng kết xem lại cụm từ “...hiện nay đang xây dựng Cảng Biển Trà Cú..” là chưa phù hợp thực tế, do cảng biển Trà Cú đã dừng thi công đề nghị thay bằng cụm từ “hiện đang xây dựng khu bến Tổng hợp Định An...”

- Tại mục 3.2.7. Công tác mẫu (trang 56): nội dung trình bày công tác mẫu và số liệu tại bảng 3.3 (trang 63) chưa thống nhất số liệu đề nghị rà soát lại.

- Về dự thảo Quyết định phê duyệt kết quả đánh giá trữ lượng khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường (cát lòng sông) tỉnh Trà Vinh đề nghị bổ sung thêm Thông tư số 42/2016/TT-BTNMT ngày 26/12/2016 quy định kỹ thuật về đánh giá tiềm năng khoáng sản rắn phần đất liền trong điều tra cơ bản địa chất và khoáng sản.

- Phụ lục kết quả đánh giá trữ lượng đính kèm dự thảo Quyết định đề nghị bổ sung thêm cột ghi chú để nêu rõ địa phận, vị trí cụ thể của từng số hiệu thân cát.

III. KẾT LUẬN CỦA CHỦ TRÌ HỘI THẢO

Sau khi nghe báo cáo của đơn vị tư vấn, ý kiến phản biện của chuyên gia, các ý kiến đóng góp, thảo luận của các đại biểu tham dự, Chủ trì Hội thảo kết luận đối với buổi Hội thảo như sau:

Sở Tài nguyên và Môi trường ghi nhận ý kiến đóng góp của các đại biểu rất cụ thể, phù hợp và sát với thực tế dự án.

Giao Đơn vị thi công, Đơn vị giám sát và Phòng Quản lý tài nguyên và Biển phối hợp thực hiện tiếp thu ý kiến góp ý của các chuyên gia và thành viên dự họp, đồng thời tập trung thực hiện các công việc sau:

3.1. Đối với đơn vị thi công (Liên đoàn bản đồ địa chất Miền Nam)

- Tiếp thu đầy đủ các góp ý, rà soát, chỉnh sửa hồ sơ theo các ý kiến đóng góp của các thành viên dự họp, khắc phục chỉnh sửa triệt để ý kiến của đơn vị giám sát đã nêu tại Văn bản số 21.8/2024/ĐCNB ngày 21/8/2024 của Liên Hiệp hội Khoa học sản xuất địa chất Nam Bộ.

- Bàn giao đầy đủ các hồ sơ còn thiếu và phải đúng, đủ, kịp thời cho đơn vị tư vấn giám sát; Chỉnh sửa lỗi trong các khâu biên tập, hồ sơ phải được ký đầy đủ các bên có liên quan và hoàn thiện nhanh.

- Đề nghị rà soát lại thật kỹ nội dung, bố cục tại Chương 4, đặc biệt là xác định (1) phương pháp (2) Thông số tính tài nguyên (3) kết quả tính tài nguyên từ trang 70-75 của Báo cáo tổng kết.

- Sau khi hoàn thiện hồ sơ, đề nghị Liên đoàn bản đồ địa chất Miền Nam tổ chức thành lập hội đồng nghiệm thu cấp cơ sở và tổ chức nghiệm thu cấp cơ sở (đối với đơn vị thi công) thời gian hoàn thành trước ngày 20/9/2024.

Đề nghị đơn vị tư vấn tiếp thu, chỉnh sửa hoàn chỉnh lại báo cáo tổng kết, sản phẩm dự án theo các ý kiến đóng góp của các đại biểu tham dự và có báo cáo gửi lại Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Trà Vinh **trước ngày 20/9/2024.**

X.H.C.
SỞ
TÀI NGUYÊN
VÀ
MÔI TRƯỜNG
TRÀ VINH

3.2. Đối với đơn vị giám sát (Liên Hiệp hội Khoa học sản xuất địa chất Nam Bộ)

- Thực hiện giám sát việc khắc phục, chỉnh sửa các kết quả thực hiện của đơn vị thi công và chỉnh sửa hoàn thiện hồ sơ sau các lần giám sát, công nhận khối lượng, chất lượng hoàn thành của từng loại sản phẩm theo đề cương.

- Trong thời gian 10 ngày, kể từ ngày nhận được Công văn đề nghị nghiệm thu và bàn giao sản phẩm giao nộp của đơn vị thi công, Đơn vị tư vấn giám sát có Báo cáo thống kê kết quả giám sát toàn dự án và lập hồ sơ kiểm tra nghiệm thu dự án chính thức gửi về Sở Tài nguyên và Môi trường để Sở tổ chức thành lập hội đồng nghiệm thu và tổ chức họp nghiệm thu dự án đúng kế hoạch.

3.3. Giao Phòng Quản lý Tài nguyên và Biển

- Gửi Biên bản và phiếu ý kiến đóng góp của các thành viên tham dự hội thảo gửi cho đơn vị thi công và đơn vị giám sát dự án biết và thực hiện trước ngày 31/8/2024.

- Theo dõi kết quả thực hiện của đơn vị thi công chỉnh sửa, hoàn thiện hồ sơ sau hội thảo, tham mưu tổ chức hội đồng nghiệm thu dự án trước ngày 30/9/2024.

- Tham mưu mời sở ngành và các chuyên gia phản biện độc lập đánh giá dự án; thành lập hội đồng nghiệm thu; thực hiện kiểm tra kết quả chỉnh sửa và sản phẩm họp hội đồng nghiệm thu đảm bảo tiến độ kế hoạch.

Cuộc họp kết thúc lúc 17 giờ 00 phút cùng ngày./.

THƯ KÝ



Nguyễn Thị Mỹ Lộc

CHỦ TRÌ



Trần Văn Hùng

